



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Hoàng (Hans Nguyễn)	Chủ tịch		
Ông Thân Minh Thuận	Thành viên		
Ông Hata Kojiro	Thành viên		
Ông Phạm Phú Nguyên	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	
Ông Nguyễn Đức Tùng	Thành viên độc lập		Ngày 26 tháng 6 năm 2024
Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên độc lập		
Ông Nguyễn Đức Ngọc	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	

Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Trần Thị Sương	Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 01 năm 2025	
Ông Trần Hải Phong	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 9 năm 2024	Ngày 09 tháng 01 năm 2025
Ông Thân Minh Thuận	Tổng Giám đốc		Ngày 16 tháng 9 năm 2024

Ủy ban Kiểm toán

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Đức Tùng	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán		Ngày 26 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	
Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên Ủy ban Kiểm toán		

Người đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Trần Thị Sương	Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 01 năm 2025	
Ông Trần Hải Phong	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 9 năm 2024	Ngày 09 tháng 01 năm 2025
Ông Thân Minh Thuận	Tổng Giám đốc		Ngày 16 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Thị Suong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Số: 006/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (“Công ty”), được lập ngày 14 tháng 1 năm 2025, từ trang 04 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 1 năm 2025



Phạm Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4924-2024-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		432.743.813.578	275.598.567.099
I. Tiền	110	4	12.758.365.669	39.453.880.296
1. Tiền	111		12.758.365.669	39.453.880.296
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	25.101.412.526	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.314.464.816	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(213.052.290)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		274.610.702.629	233.626.528.048
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	201.683.267.055	101.319.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	37.046.172.860	73.527.667
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	850.000.000	21.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	35.784.542.059	211.851.681.282
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(753.279.345)	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	116.098.053.297	-
1. Hàng tồn kho	141		116.098.053.297	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.175.279.457	2.518.158.755
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	106.321.632	3.233.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.035.613.444	621.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	33.344.381	2.514.303.933
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.001.604.545	1.281.873.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		110.000.000	145.987.470
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	110.000.000	145.987.470
II. Tài sản cố định	220		38.796.312.068	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.039.022.844	-
- Nguyên giá	222		2.299.890.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.867.156)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	36.757.289.224	-
- Nguyên giá	228		37.716.126.888	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(958.837.664)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.641.439.255	596.663.409
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.641.439.255	596.663.409
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.100.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	44.100.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		353.853.222	539.223.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	353.853.222	539.223.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		517.745.418.123	276.880.441.039

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		210.689.274.543	4.570.072.506
I. Nợ ngắn hạn	310		207.086.996.396	4.570.072.506
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	23.026.999.286	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.423.878.175	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.624.406.223	701.680.171
4. Phải trả người lao động	314		395.829.605	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		616.326.200	130.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.276.700.753	73.999.612
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	172.058.463.431	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.664.392.723	3.664.392.723
II. Nợ dài hạn	330		3.602.278.147	-
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		4.481.918	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.195.833.331	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	2.401.962.898	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		307.056.143.580	272.310.368.533
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	307.056.143.580	272.310.368.533
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		257.209.020.000	257.209.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		257.209.020.000	257.209.020.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.082.499.049	4.942.518.280
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.942.518.280	1.231.766.193
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.139.980.769	3.710.752.087
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.764.624.531	10.158.830.253
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		517.745.418.123	276.880.441.039
(440 = 300 + 400)				



Trần Thị Sương
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	472.870.321.901	13.208.736.327
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		472.870.321.901	13.208.736.327
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	450.065.863.594	10.480.022.222
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.804.458.307	2.728.714.105
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.311.035.424	6.385.387.442
6. Chi phí tài chính	22	26	24.748.286.461	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.493.612.388	-
7. Chi phí bán hàng	25	27	2.258.587.591	20.120.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	6.938.614.811	2.455.226.520
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.170.004.868	6.638.755.027
10. Thu nhập khác	31	28	25.077.671.017	8.750.001
11. Chi phí khác	32	29	30.839.172	1.445.978.724
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		25.046.831.845	(1.437.228.723)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.216.836.713	5.201.526.304
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.299.235.793	1.331.943.964
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(50.353.389)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.967.954.309	3.869.582.340
17. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		22.139.980.769	3.710.752.087
18. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		1.827.973.540	158.830.253
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	861	144



Trần Thị Sương
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.216.836.713		5.201.526.304	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao tài sản cố định	02	(2.817.700.527)		8.750.001	
- Các khoản dự phòng	03	966.331.635		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.841.354.998)		(3.274.137.443)	
- Chi phí lãi vay	06	5.493.612.388		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.017.725.211		1.936.138.862	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(63.273.070.552)		(146.622.469.849)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(116.098.053.297)		-	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.766.699.127		(40.314.998.654)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	82.281.540		(542.456.394)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(64.414.464.816)		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.112.804.270)		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.826.014.549)		(952.788.592)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(206.857.701.606)		(186.496.574.627)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(3.344.665.846)		(33.306.663.409)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	18.000.000		210.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(252.990.000.000)		(44.450.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	268.740.000.000		22.850.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.757.068.167)		-	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.066.624.228		3.770.323.695	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.732.890.215		(50.926.339.714)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-		10.000.000.000	
2. Tiền thu từ đi vay	33	368.308.023.363		-	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(194.878.726.599)		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	173.429.296.764		10.000.000.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(26.695.514.627)		(227.422.914.341)	
Tiền đầu năm	60	39.453.880.296		266.876.794.637	
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	12.758.365.669		39.453.880.296	



Trần Thị Suong

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng

Người lập biểu/Kê toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 ngày 14 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 25 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 11 người).

Trụ sở

Công ty đăng ký trụ sở tại BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, tư vấn, xây dựng, chế biến và trồng trọt.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đã thực hiện tái cơ cấu, do vậy trong năm, Công ty thay đổi quy mô hoạt động, tăng số lượng Công ty con, đồng thời, các Công ty con đã thực hiện thêm nhiều hợp đồng trong lĩnh vực nông sản và các ngành liên quan khác mang lại nguồn lợi nhuận và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp*Công ty con trực tiếp*

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam (Trước là: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8)	BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, P. An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	95,00	95,00	Hoạt động tư vấn quản lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nông Sản Agriviet	19/10/5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	79,17	79,17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Công ty TNHH Smoving	BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, P. An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	95,00	95,00	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Công ty liên kết

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Visalt (i)	Số 2, Đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 1, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	36,54	36,54	Sản xuất, chế biến các sản phẩm muối

(i) Công ty Cổ phần Visalt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900693648 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 17 tháng 5 năm 2024. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Nông Sản Agriviet chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Visalt, do đó số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chưa phản ánh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 52/NQ-HĐCĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Visalt, đã thống nhất thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Visalt, do vậy Công ty Cổ phần Visalt quyết định dừng mọi hoạt động kinh doanh để tiến hành thủ tục giải thể.

Các công ty con được hợp nhất

Toàn bộ các công ty con đều được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty thay đổi quy mô, tăng số lượng Công ty con. Theo đó, số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất này chỉ cho mục đích tham khảo và không so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2024, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam (“Ecogreen Agri”) đã hoàn tất mua 83,33% cổ phần của Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet (“Agriviet”) với tổng giá phí là 50.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet trở thành công ty con của Công ty thông qua Ecogreen Agri.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Ecogreen Agri đã ban hành Nghị quyết số 07/2024/EAV/ĐHĐCĐ-NQ để thông qua việc xác định giá trị hợp lý của tài sản dựa trên kết quả Báo cáo thẩm định xác định giá trị doanh nghiệp của Agriviet. Báo cáo thẩm định này đã được thực hiện bởi một Công ty kiểm toán. Dựa theo các phê duyệt trên của Ecogreen Agri, Giá trị hợp lý của tài sản thuần của Agriviet đã được xác định tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định số 41/2024/ST8/TGD-VB ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty. Cụ thể, giá trị hợp lý được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Giao dịch hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua
	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.242.931.833
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.437.996.805
Hàng tồn kho	108.558.000.081
Tài sản ngắn hạn khác	3.973.524.035
Các khoản phải thu dài hạn	110.000.000
Tài sản cố định	38.512.359.208
Nợ ngắn hạn	(135.721.803.957)
Tổng tài sản thuần (a)	67.113.008.005
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (b)	10.777.820.738
Thuế hoãn lại phải trả từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản (c)	2.446.083.574
Thu nhập khác từ giao dịch mua rẻ công ty con (d) (i)	3.889.103.693
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (a) - (b) - (c) - (d)	50.000.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ mua công ty con	38.242.931.833
Tiền chi để mua công ty con	(50.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua	(11.757.068.167)

(i) Xem thuyết minh số 28

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là chứng chỉ quỹ được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư tài chính. Chứng chỉ quỹ được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng chỉ quỹ.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng chỉ quỹ được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng chỉ quỹ.

Dự phòng giảm giá chứng chỉ quỹ được lập cho chứng chỉ quỹ có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng chỉ quỹ xác định theo giá của chứng chỉ quỹ đó tại ngày công ty phát hành chứng chỉ quỹ gửi báo cáo giá trị cuối kỳ được báo cáo của chứng chỉ quỹ đó. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính không trùng ngày được báo cáo giá trị cuối kỳ của chứng chỉ quỹ thì giá trị hợp lý của chứng chỉ quỹ là giá trị cuối kỳ được báo cáo của chứng chỉ quỹ trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng chỉ quỹ cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí Công cụ, dụng cụ và chi phí khác: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và các chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí nội thất văn phòng: Là chi phí cải tạo văn phòng làm việc và chi phí đồ dùng văn phòng, được phân bổ trong 02 năm từ khi bắt đầu sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Máy móc thiết bị	06-07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện là giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet tại Thửa đất số 148, 149, 150 và 151; tờ bản đồ số 30 ở Dự án Khu dân cư Hoàng Phát, Phường 1, Tp. Bạc Liêu. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 36 năm. Các tài sản này đã được thế chấp cho khoản vay (Xem thuyết minh số 18).

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Visalt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiền	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Thành Phát Đạt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này	Thành viên chủ chốt

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.069.683.312	383.948.573
Tiền gửi ngân hàng	8.688.682.357	39.069.931.723
Cộng	<u>12.758.365.669</u>	<u>39.453.880.296</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.314.464.816	(213.052.290)	25.699.260.000	-	-	-
<i>a1) Chứng khoán kinh doanh (i)</i>	<i>20.314.464.816</i>	<i>(213.052.290)</i>	<i>25.699.260.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao Su Đồng Nai (Mã CDR, tương đương 332.000 Cổ phiếu)	3.021.356.000	-	4.581.600.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Mã BCE, tương đương 1.490.000 Cổ phiếu)	9.230.200.010	-	13.090.000.000	-	-	-
Các cổ phiếu khác	8.062.908.806	(213.052.290)	8.027.660.000	-	-	-
<i>a2) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>5.000.000.000</i>	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	5.000.000.000	-	-	-	-	-
b) Đầu tư tài chính dài hạn	44.100.000.000	-	47.392.800.000	-	-	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>44.100.000.000</i>	-	<i>47.392.800.000</i>	-	-	-
Chứng chỉ quỹ (iii)	44.100.000.000	-	47.392.800.000	-	-	-
Cộng	69.414.464.816	(213.052.290)	73.092.060.000	-	-	-

(i) Các chứng khoán kinh doanh tăng thêm trong năm đều do mua mới.

(ii) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, khoản tiền gửi này đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (Xem thuyết minh số 18).

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty sở hữu 4.900.000 chứng chỉ quỹ, tương đương 49,00% tổng số lượng chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Năng động Vision. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2025/EAV/HĐQT-NQ của Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam tại ngày 08 tháng 01 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc đầu tư dài hạn chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Năng động Vision, với thời hạn dự kiến đầu tư từ 02 đến 03 năm.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	-	-
Dự phòng bổ sung	213.052.290	-
Số cuối năm	213.052.290	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Nông sản Lương thực Thực phẩm Tấn Phát TG	35.700.000.000	-
Công ty TNHH TMDV Xuất nhập khẩu Minh Phát	34.437.976.698	-
Công ty TNHH GP Resource	28.736.204.699	-
Công ty TNHH Lương thực Tâm Phúc Phát	25.350.000.000	-
Các đối tượng khác	77.459.085.658	101.319.099
Cộng	201.683.267.055	101.319.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán là bên liên quan	32.140.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiền (i)	32.140.000.000	-
b) Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	4.906.172.860	73.527.667
(ii)		
Cộng	37.046.172.860	73.527.667

(i) Khoản đặt cọc trước tiền mua đất của Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet (Công ty con) với Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiền (“Hoàng Tiền”). Cho đến hiện tại, Hoàng Tiền vẫn đang thực hiện các thủ tục để 02 bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng chính thức.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không có đối tượng công nợ nào có số dư lớn hơn 10% tổng số dư công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Golden Cajú	-	15.300.000.000
Ông Cai Hoàng Nghĩa	-	5.450.000.000
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu Hoàng Thịnh (i)	850.000.000	850.000.000
Cộng	850.000.000	21.600.000.000

(i) Khoản phải thu cho vay theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 668/2023/HĐHTKD ngày 28/8/2023 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu Hoàng Thịnh với giá trị 850.000.000 VND, lãi suất 0% với mục đích nộp tiền thuê rừng và thuê đất, nộp tiền thuê cho dự án “Trồng cây Cao su kết hợp quản lý rừng” tại tỉnh Lâm Đồng nhằm hợp tác tìm kiếm, giới thiệu đối tác, khách hàng có nhu cầu đầu tư, phát triển khai thác và kinh doanh dự án.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	35.784.542.059	-	211.851.681.282	-
Bên liên quan	-	-	7.500.000.000	-
Ông Trần Duy Thiện (i)	-	-	7.500.000.000	-
Các đối tượng khác	35.784.542.059	-	204.351.681.282	-
Ông Nguyễn Văn Thảo (ii)	9.400.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Anh Hương	-	-	178.990.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	1.131.070.000	-	-	-
Tạm ứng	-	-	10.000.000	-
Tiền lãi dự thu	42.109.589	-	282.681.282	-
Ký cược, ký quỹ				
- Ông Lê Thanh Huy (ii)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	209.987.470	-	69.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.375.000	-	-	-
b) Dài hạn	110.000.000	-	145.987.470	-
Ký quỹ, ký cược				
- Đối tượng khác	110.000.000	-	145.987.470	-
Cộng	35.894.542.059	-	211.997.668.752	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Số phải thu đầu năm là giá trị đặt cọc để Công ty mua 04 thửa đất tại Thôn Hòn Lay, xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa với ông Trần Duy Thiện. Tuy nhiên, hợp đồng không tiếp tục thực hiện được, do đó ông Thiện phải hoàn trả tiền cọc và bồi thường tiền phạt vi phạm hợp đồng với giá trị 7.500.000.000 VND (Xem thuyết minh số 28). Số tiền đặt cọc và tiền phạt vi phạm hợp đồng đã thu được toàn bộ trong năm nay.
- (ii) Khoản phải thu khác theo phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng chỉ quỹ số 0512/2024/HĐCN-FIF-NVT ngày 26 tháng 12 năm 2024 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam và ông Nguyễn Văn Thảo, chuyển nhượng chứng chỉ quỹ với số lượng 4.700.000 Chứng chỉ quỹ, sau khi đánh giá lại giá trị hợp lý của Chứng chỉ quỹ, hai bên đồng ý điều chỉnh đơn giá chuyển nhượng từ 11.000 VND/CCQ giảm còn 9.000 VND/CCQ, tương ứng với giá trị chuyển nhượng cần hoàn trả lại công ty 9.400.000.000 VND. Tính đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam đã thu lại được toàn bộ khoản phải thu này.
- (iii) Đây là giá trị đặt cọc để Công ty mua 03 thửa đất tại Thôn Ba Dùi, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC/ST8-LTH ngày 26 tháng 6 năm 2023.
- Khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ cá nhân là ông Lê Thanh Huy.
 - Tổng diện tích đã được cấp quyền sử dụng đất của cả 03 thửa là 45.637,9 m².
 - Công ty đã hoàn thiện việc thanh toán tiền đặt cọc mua 3 lô đất này, đang tiến hành thương thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
 - Số tiền đặt cọc đã được chuyển đến tài khoản cá nhân ông Lê Thanh Huy là 25.000.000.000 VND.
 - Khoản đầu tư được thông qua tại Nghị quyết số 63/2023/ST8/NQ-HĐQT ngày 07/07/2023 của Hội đồng Quản trị, tiếp tục chủ trương đầu tư dự án Trầm Hương Resorts.
 - Do một số vấn đề pháp lý việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên Ông Lê Thanh Huy đã làm đơn đề nghị gia hạn thời gian hoàn thành đến quý 3 năm 2025. Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam đã chấp nhận đơn đề nghị theo Công văn số 01/CVCT/ST8-LTH ngày 28 tháng 02 năm 2024.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH MTV Linh Phát	Trên 03 năm	325.164.000	-	-	-	-
Koperasi Puskopal Mabesal	Trên 03 năm	428.115.345	-	-	-	-
Cộng		753.279.345	-	-	-	-

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	-	-
Dự phòng bổ sung	753.279.345	-
Số cuối năm	753.279.345	-

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	116.098.053.297	-	-	-
Cộng	116.098.053.297	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	106.321.632	3.233.333
Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.850.645	3.233.333
Các khoản khác	90.470.987	-
b) Dài hạn	353.853.222	539.223.061
Chi phí trang trí, nội thất văn phòng	136.437.069	461.169.117
Công cụ dụng cụ xuất dùng	167.004.097	78.053.944
Các khoản khác	50.412.056	-
Cộng	460.174.854	542.456.394

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/được hoàn trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	2.487.205.112	2.906.033.980	418.828.868	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.573.478	112.110.000	118.355.560	18.819.038
Các loại thuế, phí khác	14.525.343	-	-	14.525.343
Cộng	2.514.303.933	3.018.143.980	537.184.428	33.344.381
b) Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.743.154	29.382.146	17.706.629	16.418.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp (ii)	694.151.267	5.308.467.803	1.407.185.681	4.595.433.389
Thuế thu nhập cá nhân	2.785.750	19.930.672	10.162.259	12.554.163
Các loại thuế, phí khác	-	230.643.152	230.643.152	-
Cộng	701.680.171	5.588.423.773	1.665.697.721	4.624.406.223

(i) Trong năm, Công ty được hoàn thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo quyết định số 45702/QĐ-CTTPHCM-KĐT ngày 14 tháng 10 năm 2024 với số tiền là 2.906.033.980 VND.

(ii) Số thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm 5.299.235.793 VND và 9.232.010 VND là tăng thêm do hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	2.299.890.000	2.299.890.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	441.560.000	1.246.862.800	1.688.422.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.246.862.800)	(1.688.422.800)
Số dư cuối năm	441.560.000	2.299.890.000	2.299.890.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	289.333.182	289.333.182
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	441.560.000	273.862.800	715.422.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(302.328.826)	(743.888.826)
Số dư cuối năm	441.560.000	260.867.156	260.867.156
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	2.039.022.844	2.039.022.844

Tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 18) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.299.890.000 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 0 VND)

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	37.716.126.888
Số cuối năm	37.716.126.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
- Khấu hao trong năm	782.069.984
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	176.767.680
Số dư cuối năm	958.837.664
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	36.757.289.224

Tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 18) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 37.716.126.888 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án Trầm Hương resorts (i)	1.588.879.255	596.663.409
Dự án khác	52.560.000	-
Cộng	<u>1.641.439.255</u>	<u>596.663.409</u>

(i) Đây là các chi phí liên quan đến việc xây dựng của dự án Trầm Hương resorts. Dự án được thông qua theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 63/2023/ST8/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc tiếp tục chủ trương đầu tư dự án. Địa điểm dự án: Thông Ba Dùi, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Tổng quy mô diện tích đất : 4,53 ha.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
		VND		VND
Công ty TNHH Thương mại Trí Nguyễn	5.804.069.194	5.804.069.194	-	-
Ông Cao Văn Toàn	5.578.045.600	5.578.045.600	-	-
Công ty TNHH MTV Nhất Sơn	2.740.000.000	2.740.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao Uyên	2.579.800.000	2.579.800.000	-	-
Nhà cung cấp khác	6.325.084.492	6.325.084.492	-	-
Cộng	<u>23.026.999.286</u>	<u>23.026.999.286</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai
 Chí Thọ, P. An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	172.058.463.431	172.058.463.431	195.432.893.268	367.491.356.699	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS	-	-	30.836.196.512	30.836.196.512	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	-	-	4.941.634.868	4.941.634.868	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (i)	99.972.025	99.972.025	59.612.850.625	59.712.822.650	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (iii)	35.440.000.000	35.440.000.000	-	35.440.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (iv)	46.168.891.406	46.168.891.406	27.824.608.594	73.993.500.000	-	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Bình Phú (v)	7.000.000.000	7.000.000.000	725.000.000	7.725.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông (vi)	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (vii)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	-	-	19.908.000.000	19.908.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 TP. Hồ Chí Minh (viii)	29.999.600.000	29.999.600.000	48.380.436.000	78.380.036.000	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả, gồm:</i>						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng (ix)	350.000.000	350.000.000	204.166.669	554.166.669	-	-
b) Dài hạn	1.195.833.331	1.195.833.331	175.000.002	1.370.833.333	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng (ix)	1.195.833.331	1.195.833.331	175.000.002	1.370.833.333	-	-
Tổng cộng	173.254.296.762	173.254.296.762	195.607.893.270	368.862.190.032	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Đây là khoản vay ký quỹ (vay margin) mua chứng khoán tại Công ty chứng khoán, tài sản đảm bảo là các chứng khoán mua qua các Công ty chứng khoán này.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội với mục đích là bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại, hạn mức là 50.000.000.000 VND với thời hạn 12 tháng. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi hợp đồng tiền gửi (Xem thuyết minh số 05).
- (iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 31396/24MN/HDTD ngày 30 tháng 10 năm 2024. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gạo. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 30 tháng 10 năm 2027. Thời gian cho vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Ông Hoàng Thành Long thuộc thửa số 1094 tờ bản đồ số 14, địa chỉ 24 đường N11, phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và nhà ở riêng lẻ gắn liền trên quyền sử dụng đất, theo Hợp đồng thế chấp số QSDĐ_24741.24MN.HDBD ký ngày 30 tháng 10 năm 2024.

- (iv) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng cấp tín dụng số 214577.24.221.30450326.TD ký ngày 29 tháng 05 năm 2024. Khoản vay được sử dụng cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại gạo với tổng hạn mức là 90 tỷ VND. Thời hạn duy trì tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 25 tháng 05 năm 2025. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp:

+ Quyền sử dụng đất của ông Trần Hải Phong – Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm) đối với thửa đất số 294 tờ bản đồ số 20 ở Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Hợp đồng thế chấp số 214960.24.221.30450326.BD ký ngày 30 tháng 5 năm 2024.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 10 ở địa chỉ Phường Thảng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc sở hữu của Ông Trịnh Kiên Cường.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Căn chung cư số 21.05 và 21.07, Trung tâm thương mại dịch vụ, siêu thị, văn phòng và căn hộ cao cấp SSG Tower thuộc sở hữu của Ông Hoàng Thanh Long.

- (v) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Phú theo Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-20240060 ký ngày 26 tháng 6 năm 2024. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn kinh doanh nông sản với tổng hạn mức là 7 tỷ VND. Thời gian duy trì hạn mức là từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến ngày 26 tháng 6 năm 2025. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của ông Trần Hải Phong – Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm) là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 29 ở phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1901-LCL-202400057 ký ngày 25 tháng 6 năm 2024.

- (vi) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông theo hợp đồng số 0150/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 10 tháng 10 năm 2024. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bán buôn gạo, với hạn mức cấp tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp bằng các tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet tại Thửa đất số 148, 149, 150 và 151; tờ bản đồ số 30 ở Dự án Khu dân cư Hoàng Phát, Phường 1, Tp. Bạc Liêu. (Xem thuyết minh số 15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (vii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo hợp đồng cấp tín dụng số TBN20241903682/HDTD ký ngày 28 tháng 05 năm 2024. Khoản vay được sử dụng cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức là 3 tỷ VND. Thời hạn duy trì tín dụng là 12 tháng. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (viii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 04/2024-HDCVHM/NHCT942-AGRIVIET ký ngày 02 tháng 02 năm 2024. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gạo các loại với tổng hạn mức là 40 tỷ VND. Thời gian duy trì hạn mức từ ngày 02 tháng 02 năm 2024 đến hết ngày 10 tháng 01 năm 2025. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp:

+ Toàn bộ phần vốn góp và lợi tức phát sinh từ phần vốn góp của bên thế chấp tại Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiên theo Giấy chứng nhận phần vốn góp số 26/GCN-HTBL ngày 10 tháng 07 năm 2024 và giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 1900579825 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 07 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 12 tháng 08 năm 2024.

+ Toàn bộ phần vốn góp và lợi tức phát sinh từ phần vốn góp của bên thế chấp tại Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiên theo Giấy chứng nhận phần vốn góp số 24/GCN-HTBL ngày 10 tháng 07 năm 2024 và giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 1900579825 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 07 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 12 tháng 08 năm 2024.

- (ix) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng - Phòng giao dịch Nam Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/SSG/2024-HĐTD-260 ký ngày 25 tháng 4 năm 2024. Khoản vay được sử dụng để mua xe ô tô con 7 chỗ Volkswagen CF14SZ với tổng giá trị khoản vay là 1,75 tỷ VND. Thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cố định 5.6% trong 6 tháng đầu tiên, lãi suất 7.6% cố định trong 30 tháng tiếp theo, hết hạn cố định lãi suất sẽ được điều chỉnh 12 tháng một lần đến hết thời hạn vay.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là xe ô tô con 7 chỗ Volkswagen CF14SZ được mua từ nguồn vốn vay trên. Được quy định tại hợp đồng thế chấp số SHBVN/SSG/2024-HĐTC-260 ký ngày 25 tháng 04 năm 2024 (Xem thuyết minh số 14).

Lịch trả nợ vay dài hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	350.000.000	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.195.833.331	-
Cộng	1.545.833.331	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	350.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	1.195.833.331	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch đánh giá giá trị hợp lý tài sản của Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet - công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh, chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	-	-
Tăng do đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tại Công ty con	2.446.083.574	-
Giảm do chi phí khấu hao tăng trong năm	(50.353.389)	-
Tăng do thanh lý tài sản cố định hữu hình trong năm	6.232.713	-
Số cuối năm	2.401.962.898	-

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	257.209.020.000	1.231.766.193	-	258.440.786.193
Lãi năm trước	-	3.710.752.087	158.830.253	3.869.582.340
Vốn góp trong năm	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Số cuối năm trước	257.209.020.000	4.942.518.280	10.158.830.253	272.310.368.533
Số đầu năm	257.209.020.000	4.942.518.280	10.158.830.253	272.310.368.533
Lãi trong năm	-	22.139.980.769	1.827.973.540	23.967.954.309
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng do mua Công ty Cổ phần Nông Sản Agriviet	-	-	10.777.820.738	10.777.820.738
Số cuối năm	257.209.020.000	27.082.499.049	22.764.624.531	307.056.143.580

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302563707, sửa đổi lần thứ 28 ngày 14 tháng 01 năm 2025, Vốn Điều lệ của Công ty là 257.209.020.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi tiết Vốn Điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Thân Minh Thuận	790.700	3,07%	-	0,00%
Ông Nguyễn Lê Quang	462.000	1,80%	-	0,00%
Bà Kim Thị Thu Vân	435.900	1,69%	-	0,00%
Ông Nguyễn Văn Đại	-	0,00%	3.150.000	12,25%
Bà Trịnh Thị Thanh Truyền	-	0,00%	1.250.000	4,86%
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	0,00%	1.220.000	4,74%
Các cổ đông khác	24.032.302	93,43%	20.100.902	78,15%
Tổng cộng	25.720.902	100%	25.720.902	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	25.720.902	25.720.902
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	25.720.902	25.720.902
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	25.720.902	25.720.902

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức đã thanh toán trong năm nay là 0 VND (năm trước là 0 VND).

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có hoạt động chính thương mại như kinh doanh gạo, nông sản tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận. Toàn bộ hoạt động chính của Công ty phát sinh tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

22. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	472.870.321.901	13.208.736.327
Doanh thu bán hàng hóa	471.447.897.597	10.561.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.422.424.304	2.647.736.327
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	472.870.321.901	13.208.736.327

Trong năm, Công ty mẹ đã thực hiện tái cơ cấu, Công ty mẹ tăng số lượng Công ty con, đồng thời, các Công ty con đã thực hiện thành công nhiều hợp đồng trong lĩnh vực nông sản và các ngành liên quan khác mang lại nguồn doanh thu cũng như lợi nhuận và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, do đó doanh thu năm nay biến động đáng kể so với doanh thu của năm trước.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	449.977.579.477	10.340.300.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	88.284.117	139.722.222
Cộng	450.065.863.594	10.480.022.222

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	582.533.968	30.294.552
Chi phí nhân công	2.142.467.399	1.218.242.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.071.403.166	8.750.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.824.732.618	1.091.500.792
Chi phí khác bằng tiền	664.349.368	266.281.031
Cộng	9.285.486.519	2.615.068.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	82.191.022	545.666.564
Lãi cho vay	5.743.861.513	2.719.720.878
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	3.120.000.000
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	8.502.194.845	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	982.238.044	-
Doanh thu tài chính khác	550.000	-
Cộng	<u>15.311.035.424</u>	<u>6.385.387.442</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.493.612.388	-
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	18.794.749.164	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	215.335	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	213.052.290	-
Chi phí tài chính khác	246.657.284	-
Cộng	<u>24.748.286.461</u>	<u>-</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	229.746.488	20.120.000
Chi phí vật liệu, bao bì	427.125.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.601.716.103	-
Cộng	<u>2.258.587.591</u>	<u>20.120.000</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.824.436.794	1.058.400.144
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.408.968	30.294.552
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.071.403.166	8.750.001
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.223.016.515	1.091.500.792
Các khoản chi phí QLDN khác	658.349.368	263.281.031
Cộng	<u>6.938.614.811</u>	<u>2.455.226.520</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	18.000.000	8.750.001
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng (i)	21.145.636.274	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ (ii)	3.889.103.693	-
Các khoản khác	24.931.050	-
Cộng	<u>25.077.671.017</u>	<u>8.750.001</u>

(i) Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng với ông Trần Duy Thiện và Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Anh Hương:

- Ông Trần Duy Thiện: Đây khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng với ông Trần Duy Thiện về việc đặt cọc để Công ty mua 04 thửa đất tại Thôn Hòn Lay, xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa với số tiền là 7.500.000.000 VND (Xem thuyết minh số 9).

- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Anh Hương (“Anh Hương”):

a) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2023/HĐHTĐT/ST8-AH ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam và Anh Hương để hợp tác đầu tư mua lại hệ thống Nhà máy sản xuất lúa gạo tại Thành phố Cần Thơ.

Tuy nhiên, theo Báo cáo số 01/2024/TMST8/HĐQT-BC ngày 19 tháng 02 năm 2024, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam và Anh Hương đã xác định dự án mua nhà máy gạo Hữu Thành không thành công do Anh Hương gặp khó khăn trong việc đàm phán mua lại nhà máy gạo, do vậy giữa 02 bên đã quyết định thanh lý hợp đồng và hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận cộng các khoản tiền phạt hợp đồng.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam và Anh Hương đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 2503/2024/TMST8-AH về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác số 01/2023/HĐHTĐT/ST8-AH và Anh Hương đồng ý hoàn trả lại cho Công ty 104.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam đã thu đủ tiền gốc và lãi vi phạm hợp đồng (giá trị lãi là 9.473.502.575 VND).

b) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2023/HĐHTĐT/ST8-AH ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam và Anh Hương hợp tác đầu tư và sở hữu mỏ khoáng sản cao lanh tại tỉnh Bình Phước.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam và Anh Hương đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 2202/2024/TMST8-AH về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác số 02/2023/HĐHTĐT/ST8-AH và Anh Hương đồng ý hoàn trả lại cho Công ty 75.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam đã thu đủ tiền gốc và lãi vi phạm hợp đồng (giá trị lãi là 4.172.133.699 VND).

(ii) Xem thuyết minh số 3 - Giao dịch hợp nhất kinh doanh.

29. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	1.925.052	1.440.693.517
Chi phí từ thanh lý tài sản	2.697.537	-
Các khoản khác	26.216.583	5.285.207
Cộng	<u>30.839.172</u>	<u>1.445.978.724</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	2.012.068.223	537.792.697
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam	1.318.040.014	794.151.267
Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet	1.908.980.195	-
Công ty TNHH Smoving	60.147.361	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.299.235.793	1.331.943.964

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	22.139.980.769	3.710.752.087
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.139.980.769	3.710.752.087
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	25.720.902	25.720.902
	861	144

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	173.254.296.762	-
Trừ: Tiền	12.758.365.669	39.453.880.296
Nợ thuần	160.495.931.093	-
Vốn chủ sở hữu	307.056.143.580	272.310.368.533
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,52	0,00

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính				
Tiền	12.758.365.669	39.453.880.296	12.758.365.669	39.453.880.296
Chứng khoán kinh doanh	20.314.464.816	-	25.699.260.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	212.147.821.644	179.228.012.911	212.147.821.644	179.228.012.911
Phải thu về cho vay	850.000.000	21.600.000.000	850.000.000	21.600.000.000
Các khoản ký quỹ	319.987.470	7.714.987.470	319.987.470	7.714.987.470
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Tổng cộng	251.390.639.599	247.996.880.677	256.775.434.783	247.996.880.677
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	173.254.296.762	-	173.254.296.762	-
Phải trả người bán và phải trả khác	24.303.700.039	73.999.612	24.303.700.039	73.999.612
Chi phí phải trả	616.326.200	130.000.000	616.326.200	130.000.000
Tổng cộng	198.174.323.001	203.999.612	198.174.323.001	203.999.612

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tài sản tài chính			
Tiền	12.758.365.669	-	12.758.365.669
Chứng khoán kinh doanh	20.314.464.816	-	20.314.464.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	212.147.821.644	-	212.147.821.644
Phải thu về cho vay	850.000.000	-	850.000.000
Các khoản ký quỹ	209.987.470	110.000.000	319.987.470
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tổng cộng	251.280.639.599	110.000.000	251.390.639.599
Công nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	172.058.463.431	1.195.833.331	173.254.296.762
Phải trả người bán và phải trả khác	24.303.700.039	-	24.303.700.039
Chi phí phải trả	616.326.200	-	616.326.200
Tổng cộng	196.978.489.670	1.195.833.331	198.174.323.001
Chênh lệch thanh khoản thuần	54.302.149.929	(1.085.833.331)	53.216.316.598
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền	39.453.880.296	-	39.453.880.296
Phải thu khách hàng và phải thu khác	179.228.012.911	-	179.228.012.911
Phải thu về cho vay	21.600.000.000	-	21.600.000.000
Các khoản ký quỹ	7.569.000.000	145.987.470	7.714.987.470
Tổng cộng	247.850.893.207	145.987.470	247.996.880.677
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	73.999.612	-	73.999.612
Chi phí phải trả	130.000.000	-	130.000.000
Tổng cộng	203.999.612	-	203.999.612
Chênh lệch thanh khoản thuần	247.646.893.595	145.987.470	247.792.881.065

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, ngoài các số dư với các bên liên quan trình bày tại các thuyết minh số 07; 09 và 20; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiền		
Tạm ứng tiền mua hàng	32.140.000.000	-
Ông Trần Quốc Toàn - Chủ tịch UBKT/Thành viên độc lập		
Mua chứng chỉ quỹ	1.800.000.000	-
Thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ	1.800.000.000	-
Ông Trần Hải Phong - Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)		
Tạm ứng tiền mua hàng	13.600.000.000	-
Hoàn ứng tiền mua hàng	13.600.000.000	-

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy Ban kiểm toán, Kế toán trưởng và Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1	Ông Nguyễn Văn Hoàng (Hans Nguyễn)	Chủ tịch HĐQT	120.200.000	72.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	36.000.000
3	Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	54.000.000
4	Ông David Cam Hao Ong	P. Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	15.000.000
5	Ông Trần Hải Phong	Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	34.782.609	-
6	Ông Thân Minh Thuận	Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm) - Thành viên HĐQT	121.217.391	88.000.000
7	Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	66.000.000
8	Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	39.000.000
9	Ông Hata Kojiro	Thành viên HĐQT	36.000.000	18.000.000
10	Bà Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	27.000.000
11	Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên Độc lập HĐQT/Thành viên Ủy ban Kiểm toán	36.000.000	18.000.000
12	Ông Phạm Phú Nguyên	Thành viên Độc lập HĐQT	18.000.000	-
13	Bà Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm)	-	39.000.000
14	Ông Nguyễn Tôn Việt	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm)	-	27.000.000
15	Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm)	-	27.000.000
16	Ông Nguyễn Đức Tùng	Chủ tịch UBKT - TV Độc lập HĐQT (Đã miễn nhiệm)	18.000.000	18.000.000
17	Bà Bùi Thị Hương Lan	Trưởng BKS/Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	21.000.000
18	Bà Cái Kim Thoa	Trưởng BKS (Đã miễn nhiệm)	-	66.316.111
19	Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	6.000.000
20	Bà Huỳnh Thị Thảo Sương	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	6.000.000
21	Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	9.000.000
22	Bà Phan Thị Anh Phụng	Kế toán trưởng	227.500.000	98.750.000
	Cộng		611.700.000	751.066.111

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	495.000.000	-

Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet – công ty con thuê nhà văn phòng với tổng diện tích 385 m2 tại số 69, đường 7, Khu đô thị An Phú An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 55.000.000 VND/tháng. Thời gian thuê tính từ ngày 10 tháng 3 năm 2024 đến ngày 09 tháng 3 năm 2027.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	660.000.000	-
Trong năm thứ hai	660.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	165.000.000	-
Cộng	1.485.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	660.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	825.000.000	-

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 42.109.589 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 282.681.282 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền lãi dự trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 380.808.118 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 0 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình trong năm không bao gồm số tiền bán thanh lý tài sản chưa thu được tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 973.000.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 0 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Trần Thị Suong

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Phan Thị Anh Phụng

Người lập biểu/Kế toán trưởng

